

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc cấp Giấy chứng nhận cho các học viên tham gia Lớp tập huấn  
“Kỹ năng giao tiếp, tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe cho người bệnh” dành  
cho đối tượng Bác sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên, Dược sĩ  
Bệnh viện ITO Sài Gòn – Đồng Nai

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư số 26/2020/TT-BYT ngày 28/12/2020 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế

Căn cứ Thông tư số 07/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn công tác điều dưỡng về chăm sóc người bệnh trong bệnh viện;

Căn cứ Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 05/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định quản lý và phân cấp thẩm quyền quản lý công chức, viên chức các cơ quan, ban, ngành và đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Theo Công văn số 443/CV-ITO-ĐN ngày 10/12/2021 của Bệnh viện ITO Sài Gòn - Đồng Nai về việc đề nghị tập huấn kỹ năng giao tiếp, tư vấn, truyền thông GDSK cho người bệnh.

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng và Trưởng phòng Nghiệp vụ Sở Y tế.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận cho 52 (Năm mươi hai) Bác sĩ; 155 (Một trăm năm mươi lăm) Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên, Dược sĩ tham gia Lớp tập huấn “Kỹ năng giao tiếp, tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe cho người bệnh” tổ chức tại Bệnh viện ITO Sài Gòn – Đồng Nai, thời gian: Các ngày 20, 21, 22/12/2021.

(Danh sách học viên kèm theo)

**Điều 2.** Học viên tham gia Lớp tập huấn “Kỹ năng giao tiếp, tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe cho người bệnh” được cấp chứng nhận đào tạo liên tục theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Sở Y tế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban GD SYT;
- Lưu: VT, VP, NV.

**GIÁM ĐỐC**



**Phan Huy Anh Vũ**

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỌC VIÊN**

**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TẬP HUẤN KỸ NĂNG GIAO TIẾP, TƯ VẤN, TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHỎE CHO NGƯỜI BỆNH  
ĐỐI TƯỢNG: DÀNH CHO BÁC SĨ - ĐIỀU DƯỠNG - HỘ SINH - KỸ THUẬT VIÊN- DƯỢC SĨ**

Tại: Bệnh viện ITO Sài Gòn - Đồng Nai

Thời gian: Ngày 20, 21, 22 tháng 12 năm 2021

Tổng số tiết học: 04 tiết (Bốn tiết)

(Đính kèm Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng 01 năm 2022 của Sở Y tế Đồng Nai)

Số TT	Mã ĐT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Bộ phận/ nơi đang tham gia công tác	Ngày học		
			Nam	Nữ				12/20/2021	12/21/2021	12/22/2021
1	001	Hồ Đức Thi	1984		Bác Sĩ	CKI	CĐHA & TDCN		X	
2	002	Đặng Bình Minh		1985	Bác Sĩ	Thạc Sĩ	CĐHA & TDCN		X	
3	003	Nguyễn Thị Thúy Hà		1984	Bác Sĩ	Thạc Sĩ	CĐHA & TDCN			X
4	004	Trịnh Văn Tiến	1983		Bác Sĩ	Bác Sĩ	CĐHA & TDCN		X	
5	005	Nguyễn Thành Sơn	1982		Bác Sĩ	CKI	CĐHA & TDCN			X
6	006	Lê Thuận Hải	1986		Bác Sĩ	Thạc Sĩ	CĐHA & TDCN	X		
7	007	Trương Thanh Dũng	1989		Bác Sĩ	Cử Nhân	CĐHA & TDCN	X		
8	008	Triệu Việt Dũng	1983		Bác Sĩ	Cử Nhân	CĐHA & TDCN	X		
9	009	Lê Thị Kim Thoa		1995	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	CĐHA & TDCN	X		
10	010	Nguyễn Sơn Thịnh	1994		Điều Dưỡng	Cao Đẳng	CĐHA & TDCN		X	
11	011	Ngô Thị Nhài		1993	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	CĐHA & TDCN		X	
12	012	Trần Văn Khang	1996		Điều Dưỡng	Cao Đẳng	CĐHA & TDCN			X
13	013	Nguyễn Trúc Viên		1993	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	CĐHA & TDCN			X
14	014	Nguyễn Thị Huyền		1997	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	CĐHA & TDCN			X
15	015	Trương Mỹ Linh		1996	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	CĐHA & TDCN	X		
16	016	Nguyễn Trọng Pháp	1997		Điều Dưỡng	Cao Đẳng	CĐHA & TDCN			X
17	017	Nguyễn Hoài Nhi		1997	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	CĐHA & TDCN		X	
18	018	Nguyễn Đức Thịnh	1989		KTV Chẩn Đoán Hình Ảnh	Cao Đẳng	CĐHA & TDCN		X	
19	019	Nguyễn Hùng Kiệt	1992		KTV Chẩn Đoán Hình Ảnh	Trung Cấp	CĐHA & TDCN			X
20	020	Đặng Thị Hồng Nhung		1988	KTV Chẩn Đoán Hình Ảnh	Cử Nhân	CĐHA & TDCN	X		

Số TT	Mã ĐT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Bộ phận/ nơi đang tham gia công tác	Ngày học		
			Nam	Nữ				12/20/2021	12/21/2021	12/22/2021
21	021	Lê Đăng Trung Sơn	1994		KTV Chẩn Đoán Hình Ảnh	Cử Nhân	CDHA & TDCN			X
22	022	Nguyễn Văn Quyết	1985		Kỹ Thuật Viên Trường Khoa	Cao Đẳng	CDHA & TDCN	X		
23	023	Đào Xuân Khánh	1993		Trưởng Nhóm Điều Dưỡng	Cao Đẳng	CDHA & TDCN	X		
24	024	Vạn Cường Phúc	1974		Bác Sĩ	CKI	CTCH			X
25	025	Trần Văn Vượng	1983		Bác Sĩ	CKI	CTCH		X	
26	026	Hoàng Đức Mạnh	1990		Bác Sĩ	CKI	CTCH			X
27	027	Trần Đức Duy Trí	1985		Bác Sĩ	Thạc Sĩ	CTCH		X	
28	028	Quách Thị Hồng Nhung		1991	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	CTCH	X		
29	029	Bạch Văn Tân	1991		Điều Dưỡng	Cao Đẳng	CTCH		X	
30	030	Nguyễn Thị Thanh		1994	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	CTCH			X
31	031	Phạm Thị Thảo		1994	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	CTCH			X
32	032	Nguyễn Thị Cẩm Anh		1994	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	CTCH	X		
33	033	Trần Thị Thu Hà		1994	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	CTCH		X	
34	034	Huỳnh Thị Thu Hường		1990	Điều Dưỡng Trường Khoa	Cao Đẳng	CTCH			X
35	035	Đào Thị Mừng		1989	Dược Sĩ	Cao Đẳng	DƯỢC			X
36	036	Nguyễn Thị Thanh Hiền		1988	Dược Sĩ	Cao Đẳng	DƯỢC	X		
37	037	Trịnh Thị Hà Minh		1988	Dược Sĩ	CKI	DƯỢC	X		
38	038	Phan Thanh Sơn	1993		Dược Sĩ	Cao Đẳng	DƯỢC	X		
39	039	Lương Anh Bá	1993		Dược Sĩ	Cao Đẳng	DƯỢC		X	
40	040	Hồ Thị Nga		1994	Dược Sĩ	Cao Đẳng	DƯỢC			X
41	041	Bùi Trọng Toàn	1995		Dược Sĩ	Cao Đẳng	DƯỢC		X	
42	042	Đỗ Thị Ngọc Sương		1995	Dược Sĩ	Cử Nhân	DƯỢC	X		
43	043	Nguyễn Chí Thanh	1996		Dược Sĩ	Cao Đẳng	DƯỢC	X		
44	044	Nguyễn Thị Lan Phương		1983	Dược Sĩ Lâm Sàng	CKI	DƯỢC		X	
45	045	Nguyễn Thị Mai		1989	Dược Sĩ Lâm Sàng	Dược Sĩ	DƯỢC	X		
46	046	Trương Thị Thu Hằng		1961	Giám Đốc Bệnh Viện	CKII	BGD	X		
47	047	Hồng Tuấn An	1967		Giám Đốc Y Khoa Bệnh Viện	CKII	BGD	X		
48	048	Ma Kim Oanh		1974	Nhân Viên Dược	Cử Nhân	DƯỢC			X
49	049	Hà Thị Hồng		1990	Điều Dưỡng Giám Sát	Cử Nhân	ĐIỀU DƯỠNG	X		

Số TT	Mã ĐT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Bộ phận/ nơi đang tham gia công tác	Ngày học		
			Nam	Nữ				12/20/2021	12/21/2021	12/22/2021
50	050	Nguyễn Văn Bằng	1991		Điều Dưỡng Trưởng Bệnh Viện	Cử Nhân	ĐIỀU DƯỠNG		X	
51	051	Phan Thị Thanh Thanh		1995	Nhân Viên Dược	Cao Đẳng	DƯỢC	X		
52	052	Từ Thị Mỹ Linh		1997	Nhân Viên Dược	Cao Đẳng	DƯỢC	X		
53	053	Nguyễn Thị Hà		1987	Nhân Viên Thống Kê Dược	Cử Nhân	DƯỢC	X		
54	054	Hoàng Thị Quỳnh Trang		1990	Bác Sĩ	CKI	KB & CẤP CỨU		X	
55	055	Đoàn Xuân Linh	1978		Bác Sĩ	Bác Sĩ	KB & CẤP CỨU	X		
56	056	Trương Minh Chánh	1983		Bác Sĩ	CKI	KB & CẤP CỨU		X	
57	057	Hoàng Minh Thắng	1988		Bác Sĩ	CKI	KB & CẤP CỨU			X
58	058	Trần Quốc Bảo	1974		Bác Sĩ	CKI	KB & CẤP CỨU	X		
59	059	Nguyễn Vân Anh		1988	Bác Sĩ	CKI	KB & CẤP CỨU			X
60	060	Nguyễn Thanh Nam	1971		Bác Sĩ	Bác Sĩ	KB & CẤP CỨU	X		
61	061	Nguyễn Văn Bộ	1991		Bác Sĩ	Bác Sĩ	KB & CẤP CỨU			X
62	062	Phạm Thị Hoa		1980	Bác Sĩ	CKI	KB & CẤP CỨU		X	
63	063	Trần Xuân Diễm Chi		1990	Bác Sĩ	CKI	KB & CẤP CỨU			X
64	064	Nguyễn Thị Xuân Hương		1984	Bác Sĩ	CKI	KB & CẤP CỨU	X		
65	065	Trương Thị Hiền		1990	Điều Dưỡng	Cử Nhân	KB & CẤP CỨU	X		
66	066	Nguyễn Quang Hiệu	1984		Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU		X	
67	067	Trần Hào	1991		Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU			X
68	068	Hồ Thị Hạnh		1992	Điều Dưỡng	Cử Nhân	KB & CẤP CỨU		X	
69	069	Ngô Thị Hồng		1991	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU	X		
70	070	Đoàn Tri	1990		Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU	X		
71	071	Trịnh Thị Diễm My		1993	Điều Dưỡng	Cử Nhân	KB & CẤP CỨU	X		
72	072	Tổng Thị Thúy Hằng		1994	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU	X		
73	073	Trương Hữu Đồng	1988		Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU		X	
74	074	Trần Thị Yên		1989	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU			X
75	075	Lê Thị Mơ		1995	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU		X	
76	076	Lê Thị Thu Trang		1995	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU			X
77	077	Phạm Thị Thu		1993	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU		X	
78	078	Phạm Thị Huyền Trang		1995	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU	X		

Số TT	Mã ĐT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Bộ phận/ nơi đang tham gia công tác	Ngày học		
			Nam	Nữ				12/20/2021	12/21/2021	12/22/2021
79	079	Phạm Thị Mai Hương		1991	Điều Dưỡng	Cử Nhân	KB & CẤP CỨU	X		
80	080	Hoàng Trọng Đạo	1996		Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU			X
81	081	Nguyễn Thị Mỹ Nghệ		1985	Điều Dưỡng	Cử Nhân	KB & CẤP CỨU	X		
82	082	Nguyễn Văn Tâm	1997		Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU	X		
83	083	Đặng Thị Thùy Anh		1995	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU			X
84	084	Đinh Thế Cường	1998		Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU		X	
85	085	Đoàn Thị Kim Hương		1998	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU			X
86	086	Hà Thị Hồng Diệp		1996	Điều Dưỡng	Cử Nhân	KB & CẤP CỨU			X
87	087	Dương Thu Hà		1998	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU		X	
88	088	Nguyễn Thị Ngọc Bích		1998	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU			X
89	089	Trần Thị Sâm		1996	Điều Dưỡng	Cử Nhân	KB & CẤP CỨU	X		
90	090	Vũ Thị Tiên Nương		1990	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU	X		
91	091	Lê Thị Thảo Linh		1998	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU	X		
92	092	Nguyễn Duy Tân	1992		Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU	X		
93	093	Danh Thị Thu Trúc		1991	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KHÁM VIP	X		
94	094	Đặng Thị Mỹ Hạnh		1992	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KHÁM VIP		X	
95	095	Trần Ngọc Lê		1990	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KHÁM VIP	X		
96	096	Dương Thị Hương Phân		1994	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KHÁM VIP		X	
97	097	Trần Thị Lam		1992	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KHÁM VIP		X	
98	098	Ngô Thị Thu Hiệp		1983	Điều Dưỡng	Cử Nhân	KHÁM VIP			X
99	099	Trần Thị Thanh		1993	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KHÁM VIP	X		
100	100	Nguyễn Thị Cẩm Nhung		1991	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KHÁM VIP			X
101	101	Đoàn Thị Minh Nhi		1998	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KHÁM VIP		X	
102	102	Trương Thảo Nguyên		1997	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KHÁM VIP	X		
103	103	Phan Thị Nhân		1995	Điều Dưỡng	Cử Nhân	KHÁM VIP		X	
104	104	Đặng Thị Kim Dung		1985	Bác Sĩ	CKI	NỘI - NHI	X		
105	105	Hoàng Văn Tiến	1983		Bác Sĩ	CKI	NỘI - NHI		X	
106	106	Tân Ngọc Thi	1990		Bác Sĩ	Thạc Sĩ	NỘI - NHI			X
107	107	Phạm Thị Huyền		1985	Bác Sĩ	CKI	NỘI - NHI		X	



Số TT	Mã ĐT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Bộ phận/ nơi đang tham gia công tác	Ngày học		
			Nam	Nữ				12/20/2021	12/21/2021	12/22/2021
108	108	Hồ Sâm Hoài	1988		Bác Sĩ	CKI	NỘI - NHI	X		
109	109	Tạ Thị Chiêm		1993	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	NỘI - NHI			X
110	110	Phan Thị Thu		1988	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	NỘI - NHI	X		
111	111	Hoàng Thị Hòa		1990	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	NỘI - NHI	X		
112	112	Trần Thị Hải Đường		1981	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	NỘI - NHI			X
113	113	Đoàn Thị Diễm Hồng		1995	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	NỘI - NHI			X
114	114	Trương Thị Nhật Hằng		1995	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	NỘI - NHI	X		
115	115	Nguyễn Thị Hương		1992	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	NỘI - NHI	X		
116	116	Phan Thị Lan Anh		1990	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	NỘI - NHI		X	
117	117	Nguyễn Thị Hoàng Xuân Xuân		1995	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	NỘI - NHI	X		
118	118	Nguyễn Thị Huê		1998	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	NỘI - NHI		X	
119	119	Nguyễn Thị Thuận		1995	Điều Dưỡng	Cử Nhân	NỘI - NHI			X
120	120	Nguyễn Thị Hà		1989	Điều Dưỡng Trưởng Khoa	Cao Đẳng	NỘI - NHI		X	
121	121	Nguyễn Đình Nguyên Đức	1982		Bác Sĩ	Thạc Sĩ	NGOẠI-SẢN-LCK		X	
122	122	Hoàng Thị Ngân		1984	Bác Sĩ	CKI	NGOẠI-SẢN-LCK		X	
123	123	Trần Phương	1983		Bác Sĩ	CKI	NGOẠI-SẢN-LCK			X
124	124	Lê Đức Toàn	1985		Bác Sĩ	CKI	NGOẠI-SẢN-LCK	X		
125	125	Nguyễn Dương Công Toàn	1988		Bác Sĩ	Thạc Sĩ	NGOẠI-SẢN-LCK		X	
126	126	Đỗ Đức Đình	1983		Bác Sĩ	CKI	NGOẠI-SẢN-LCK	X		
127	127	Nguyễn Văn Truyen	1960		Bác Sĩ	CKII	NGOẠI-SẢN-LCK			X
128	128	Phan Thị Mộng Trang		1990	Bác Sĩ	CKI	NGOẠI-SẢN-LCK	X		
129	129	Nguyễn Thị Thủy		1989	Điều Dưỡng	Cử Nhân	NGOẠI-SẢN-LCK		X	
130	130	Lê Thị Ngọc Hân		1995	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	NGOẠI-SẢN-LCK	X		
131	131	Lê Thị Hiền		1993	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	NGOẠI-SẢN-LCK			X
132	132	Nguyễn Thị Hiền		1990	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	NGOẠI-SẢN-LCK	X		
133	133	Đoàn Thị Phương Trinh		1996	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	NGOẠI-SẢN-LCK			X
134	134	Bùi Thị Lệ Hồng		1995	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	NGOẠI-SẢN-LCK			X
135	135	Nguyễn Thị Huỳnh Như		1996	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	NGOẠI-SẢN-LCK		X	
136	136	Trương Thị Muôn		1991	Điều Dưỡng Trưởng Khoa	Cao Đẳng	NGOẠI-SẢN-LCK		X	

Số TT	Mã ĐT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Bộ phận/ nơi đang tham gia công tác	Ngày học		
			Nam	Nữ				12/20/2021	12/21/2021	12/22/2021
137	137	Nguyễn Văn Duy	1988		Bác Sĩ	CKI	PT-GMHS-HSTC	X		
138	138	Bùi Thanh Thắng	1988		Bác Sĩ	CKI	PT-GMHS-HSTC			X
139	139	Vũ Văn Hạ	1986		Bác Sĩ	Bác Sĩ	PT-GMHS-HSTC			X
140	140	Từ Khánh Hòa	1994		Điều Dưỡng	Trung Cấp	PT-GMHS-HSTC	X		
141	141	Tạ Thị Minh Châu		1991	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	PT-GMHS-HSTC			X
142	142	Trần Thị Thơ		1992	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	PT-GMHS-HSTC			X
143	143	Trần Văn Minh	1988		Điều Dưỡng	Cao Đẳng	PT-GMHS-HSTC		X	
144	144	Phạm Thị Tường Vi		1990	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	PT-GMHS-HSTC			X
145	145	Võ Quốc Hùng	1979		Điều Dưỡng	Cử Nhân	PT-GMHS-HSTC		X	
146	146	Nguyễn Vũ Bảo	1985		Điều Dưỡng	Trung Cấp	PT-GMHS-HSTC	X		
147	147	Trần Thị Hiền		1990	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	PT-GMHS-HSTC	X		
148	148	Lê Minh Sơn	1990		Điều Dưỡng	Cao Đẳng	PT-GMHS-HSTC		X	
149	149	Từ Đình Tạng	1990		Điều Dưỡng	Cao Đẳng	PT-GMHS-HSTC			X
150	150	Đặng Thị Ngọc Diệu		1990	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	PT-GMHS-HSTC		X	
151	151	Vòng Nguyễn Huy Tùng	1987		Điều Dưỡng	Cao Đẳng	PT-GMHS-HSTC			X
152	152	Nguyễn Thị Xuân Thoa		1996	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	PT-GMHS-HSTC			X
153	153	Bùi Thị Ngọc Thu		1989	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	PT-GMHS-HSTC			X
154	154	Từ Thị Tư		1998	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	PT-GMHS-HSTC		X	
155	155	Đặng Ngọc Kim Trang		1997	Điều Dưỡng	Cử Nhân	PT-GMHS-HSTC	X		
156	156	Võ Hoàng Thanh	1989		Điều Dưỡng	Cử Nhân	PT-GMHS-HSTC		X	
157	157	Đào Thị Hoài Thương		1997	Điều Dưỡng	Cử Nhân	PT-GMHS-HSTC		X	
158	158	Trần Duy Tân	1991		Điều Dưỡng	Cao Đẳng	PT-GMHS-HSTC			X
159	159	Nguyễn Thị Thanh Hà		1988	Điều Dưỡng Trưởng Khoa	Cao Đẳng	PT-GMHS-HSTC			X
160	160	Đông Sỹ Ba	1985		Kỹ Thuật Viên Gây Mê	Cao Đẳng	PT-GMHS-HSTC	X		
161	161	Lê Thị Ánh Sáng		1990	Nữ Hộ Sinh	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU		X	
162	162	Nguyễn Mạnh Hùng	1958		Phó Giám Đốc Chuyên Môn	CKI	BGD		X	
163	163	Trần Văn Hiền	1987		Phó Khoa	CKI	KB & CẤP CỨU		X	
164	164	Nguyễn Ngọc Hoàng	1982		Phó Khoa	CKI	PT-GMHS-HSTC		X	
165	165	Nguyễn Thị Kim Liên		1963	Phó Khoa Dược	CKI	DƯỢC			X

Số TT	Mã ĐT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Bộ phận/ nơi đang tham gia công tác	Ngày học		
			Nam	Nữ				12/20/2021	12/21/2021	12/22/2021
166	166	Từ Thị Thom		1989	Thủ Kho Dược	Cao Đẳng	DƯỢC			X
167	167	Phan Thành Nam	1980		Trưởng Khoa	CKI	CTCH	X		
168	168	Võ Lương Vinh	1983		Trưởng Khoa	CKI	NỘI - NHI	X		
169	169	Lê Mạnh Trí	1974		Trưởng Khoa	CKI	NGOẠI-SẢN-LCK	X		
170	170	Trần Viết Hợi	1984		Trưởng Khoa	Thạc Sĩ	KHTH		X	
171	171	Đình Văn Ty	1956		Trưởng Khoa	Cử Nhân	XÉT NGHIỆM		X	
172	172	Trương Thị Phương		1979	Trưởng Khoa	Thạc Sĩ	YHCT - PHCN		X	
173	173	Võ Thị Quỳnh Như		1981	Trưởng Khoa Dược	CKII	DƯỢC		X	
174	174	Nguyễn Văn Hùng	1979		Trưởng Nhóm Dược	Cao Đẳng	DƯỢC	X		
175	175	Vũ Trọng Tâm	1988		Kỹ Thuật Viên Trưởng Khoa	Cử Nhân	XÉT NGHIỆM	X		
176	176	Nguyễn Kim Sáng	1989		Kỹ Thuật Viên Xét Nghiệm	Cử Nhân	XÉT NGHIỆM	X		
177	177	Phạm Thái Hiền	1990		Kỹ Thuật Viên Xét Nghiệm	Thạc Sĩ	XÉT NGHIỆM	X		
178	178	Tân Ngọc Phương Quỳnh		1996	Kỹ Thuật Viên Xét Nghiệm	Cao Đẳng	XÉT NGHIỆM		X	
179	179	Chu Ngọc Oánh	1993		Kỹ Thuật Viên Xét Nghiệm	Cao Đẳng	XÉT NGHIỆM		X	
180	180	Trần Thị Kim Trang		1996	Kỹ Thuật Viên Xét Nghiệm	Cao Đẳng	XÉT NGHIỆM		X	
181	181	Phạm Văn Đức	1983		Bác Sĩ	Thạc Sĩ	YHCT - PHCN		X	
182	182	Trần Thị Trang		1987	Bác Sĩ	Bác Sĩ	YHCT - PHCN		X	
183	183	Võ Thị Minh Phụng		1996	Kỹ Thuật Viên	Cao Đẳng	YHCT - PHCN		X	
184	184	Chu Linh Bằng	1992		Kỹ Thuật Viên Trưởng Khoa	Trung Cấp	YHCT - PHCN		X	
185	185	Nguyễn Đăng Nam	1991		Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Cao Đẳng	YHCT - PHCN		X	
186	186	Từ Lê Khánh Hà		1991	Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Trung Cấp	YHCT - PHCN		X	
187	187	Trương Thị Thu Lợi		1993	Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Cao Đẳng	YHCT - PHCN		X	
188	188	Nguyễn Văn Sơn	1993		Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Cao Đẳng	YHCT - PHCN		X	
189	189	Nguyễn Thành Ngọc	1987		Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Cao Đẳng	YHCT - PHCN		X	
190	190	Từ Nữ Thủy Chung		1995	Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Cao Đẳng	YHCT - PHCN	X		
191	191	Tạ Bảo Ngọc	1995		Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Cao Đẳng	YHCT - PHCN		X	
192	192	Trần Quốc Chuân	1994		Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Trung Cấp	YHCT - PHCN		X	
193	193	Nguyễn Tài Tuệ	1995		Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Cao Đẳng	YHCT - PHCN		X	
194	194	Phạm Bảo Ngân		1996	Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Cao Đẳng	YHCT - PHCN		X	

Số TT	Mã ĐT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Bộ phận/ nơi đang tham gia công tác	Ngày học		
			Nam	Nữ				12/20/2021	12/21/2021	12/22/2021
195	195	Phí Hải Nam	1988		Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Trung Cấp	YHCT - PHCN			X
196	196	Triệu Thị Hoàng Nguyên		1997	Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Cao Đẳng	YHCT - PHCN			X
197	197	Dương Thị Thùy Trang		1993	Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Cao Đẳng	YHCT - PHCN			X
198	198	Bùi Thanh Sơn		1997	Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Cao Đẳng	YHCT - PHCN			X
199	199	Lương Ngọc Lan		1997	Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Cao Đẳng	YHCT - PHCN			X
200	200	Phan Thị Cẩm Ngà		1994	Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Cao Đẳng	YHCT - PHCN			X
201	201	Trần Thị Thúy Hoa		1996	Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Cao Đẳng	YHCT - PHCN	X		
202	202	Trương Tấn Phát	1997		Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Cao Đẳng	YHCT - PHCN			X
203	203	Phan Hải Quang	1992		Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Trung Cấp	YHCT - PHCN			X
204	204	Ngô Thị Linh		1998	Kỹ Thuật Viên Vật Lý Trị Liệu	Cao Đẳng	YHCT - PHCN			X
205	205	Nguyễn Thị Thúy Quyên		2000	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU		X	
206	206	Nguyễn Thị Tú Anh		1999	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	NGOẠI-SẢN-LCK	X		
207	207	Phạm Hương Giang		1999	Điều Dưỡng	Cao Đẳng	KB & CẤP CỨU		X	